

GIẢI PHÁP BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

LÊ THỊ LỆ HOA

NGUYỄN TRẦN KIM LÀI

Khoa Giáo dục Chính trị và Quản lý giáo dục,
Trường Đại học Đồng Tháp

Nhận bài ngày 12/01/2026. Sửa chữa xong 24/02/2026. Duyệt đăng 27/02/2026.

Abstract

Developing professional skills for students majoring in Political Education is an urgent requirement in response to the current goals of fundamental and comprehensive reform in education and training. Training practice at Dong Thap University shows that, despite certain achievements, students majoring in Political Education still face limitations in several essential professional skills. Based on an analysis of the role of professional skills for teacher education students and the current situation of professional skill development for Political Education students at Dong Thap University, this article proposes several solutions to enhance these skills. The coordinated implementation of these solutions is expected to contribute to improving training quality and fostering the professional competencies of Political Education students in the current context.

Keywords: Dong Thap University, Political Education students, professional skills, solutions for developing professional skills.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, việc bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp (KNNN) cho sinh viên (SV) sư phạm, đặc biệt là SV ngành Giáo dục Chính trị (GDCT) giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên. Quá trình đào tạo không chỉ dừng lại ở việc trang bị tri thức lý luận mà còn phải chú trọng hình thành năng lực sư phạm, bản lĩnh chính trị và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn giáo dục. Thực tiễn đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, SV ngành GDCT vẫn còn bộc lộ một số hạn chế về KNNN, ảnh hưởng đến hiệu quả học tập, thực tập sư phạm và khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Từ thực tế đó, việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp bồi dưỡng KNNN cho SV ngành GDCT tại Trường Đại học Đồng Tháp là rất cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị

2.1.1. Vai trò của kỹ năng nghề nghiệp đối với sinh viên ngành Giáo dục Chính trị

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, việc trang bị và bồi dưỡng KNNN là cơ sở để SV ngành GDCT vận dụng hiệu quả tri thức lý luận vào hoạt động giảng dạy. Do đó, SV ngành GDCT cần được rèn luyện các kỹ năng giúp học sinh tiếp nhận kiến thức một cách sinh động.

Kỹ năng nghề nghiệp giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng giáo dục tư tưởng, đạo đức và lối sống cho học sinh. Giáo viên GDCT không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn trực tiếp tham gia

Email: lethilehoadhdt@gmail.com

định hướng giá trị, hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh vai trò nêu gương và phương pháp giáo dục của người thầy: “Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước” [2, tr. 269]. Do đó, SV ngành GDCT cần được rèn luyện các kỹ năng trong thực tiễn nhà trường.

Kỹ năng nghề nghiệp giữ vai trò then chốt giúp SV ngành GDCT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Trong định hướng phát triển phẩm chất, năng lực theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, giáo viên không chỉ cần vững chuyên môn mà còn phải thành thạo kỹ năng thiết kế bài học, tổ chức hoạt động, đánh giá và ứng dụng công nghệ dạy học. Do đó, KNNN không chỉ là yêu cầu cá nhân mà còn là chuẩn mực trong đào tạo giáo viên. Như vậy, KNNN đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp toàn diện cho SV ngành GDCT. Việc chú trọng bồi dưỡng KNNN cho SV không chỉ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mà còn góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên GDCT có phẩm chất, năng lực và bản lĩnh chính trị vững vàng trong giai đoạn hiện nay.

2.1.2. Những yêu cầu cần thiết trong bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp đối với sinh viên ngành Giáo dục Chính trị trong bối cảnh hiện nay.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giáo dục cần đổi mới theo hướng phát triển năng lực người học. Nhiều nhà nghiên cứu khẳng định: “Giáo dục hiện đại cần chuyển từ trang bị tri thức sang phát triển năng lực người học, trong đó KNNN giữ vai trò trung tâm” [6, tr. 45]. Vì vậy, đối với SV ngành GDCT, bồi dưỡng KNNN không chỉ đáp ứng yêu cầu giảng dạy mà còn góp phần hình thành đội ngũ giáo viên có bản lĩnh và năng lực thích ứng xã hội. Việc bồi dưỡng này phải gắn lý luận với thực tiễn. Chương trình Giáo dục công dân trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh: “Việc tổ chức dạy học gắn với thực tiễn đời sống nhằm góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh” [1, tr. 6-7]. Do đó, SV cần được rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận vào giảng dạy một cách linh hoạt, khắc phục tình trạng nặng về lý thuyết. Việc bồi dưỡng KNNN cần gắn với yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục theo định hướng phát triển năng lực. Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương và Nguyễn Thị Mai Lan cho rằng: “Giáo dục theo định hướng phát triển năng lực đòi hỏi giáo viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn phải thành thạo các kỹ năng tổ chức hoạt động học tập...” [4, tr. 32]. Điều này đòi hỏi SV ngành GDCT phải được rèn luyện đồng bộ kỹ năng sư phạm, kỹ năng ứng dụng công nghệ và đặc biệt là kỹ năng giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh. Bên cạnh đó, bồi dưỡng KNNN cho SV ngành GDCT cần đặc biệt chú trọng đến kỹ năng giáo dục tư tưởng, đạo đức và lối sống cho học sinh. Chương trình Giáo dục công dân trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định mục tiêu giáo dục là hình thành và phát triển các phẩm chất ở học sinh. SV ngành GDCT không chỉ cần thành thạo kỹ năng giảng dạy mà còn phải được rèn luyện thường xuyên các kỹ năng giao tiếp ứng xử sư phạm và kỹ năng xử lý các tình huống giáo dục phát sinh trong thực tiễn nhà trường. Như vậy, trong bối cảnh hiện nay, bồi dưỡng KNNN cho SV ngành GDCT cần được thực hiện toàn diện, gắn lý luận với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

2.2. Thực trạng bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị tại Trường Đại học Đồng Tháp

2.2.1. Năng lực nghề nghiệp của sinh viên

Thực tiễn đào tạo SV ngành GDCT cho thấy KNNN đã có những chuyển biến tích cực, song vẫn còn nhiều hạn chế so với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Để đánh giá khách quan thực trạng này, tác giả khảo sát 100 SV các lớp ĐHGDC22A, ĐHGDC23A, ĐHGDC24A, ĐHGDC25A năm học 2025-2026 tại Trường Đại học Đồng Tháp bằng phiếu hỏi gồm 4 nội dung, sử dụng thang đo 4 mức độ (1: Rất đồng ý; 2: Đồng ý; 3: Trung lập; 4: Không đồng ý). Khảo sát được tiến hành vào tháng 01 năm 2026 nhằm thu thập ý kiến của SV về các nội dung liên quan đến bồi dưỡng KNNN trong quá trình đào tạo. Kết quả thu được như sau:

Bảng 1: Hạn chế về KNNN của SV ngành GDCT

Tiêu chí đánh giá	Tỉ lệ phản hồi %			
	Rất đồng ý	Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý
1. Về kỹ năng dạy học.	33	35	17	15
2. Về kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn.	32,3	32,8	18,2	16,7
3. Về kỹ năng giao tiếp.	35,5	34	20	15,5
4. Về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và phương tiện dạy học hiện đại.	33,9	30,1	19	17

Kết quả thống kê cho thấy, phần lớn SV đều phản hồi 02 mức: Rất đồng ý (mức 1) và đồng ý (mức 2) về hạn chế về KNNN của SV với tỷ lệ 64% - 69,5%; tỷ lệ SV phản hồi 02 mức, trung lập (mức 3) và không đồng ý (mức 4) với tỷ lệ 32% - 35,5%. Điều này cho thấy phần lớn SV ngành GDCT vẫn còn nhiều hạn chế trong việc bồi dưỡng KNNN của SV. Để hiểu rõ hơn chúng ta sẽ phân tích chi tiết về từng hạn chế:

Về kỹ năng dạy học, đa số ý kiến khảo sát tập trung ở hai mức rất đồng ý và đồng ý đối với các tiêu chí được đưa ra, tỷ lệ phản hồi rất đồng ý và đồng ý chiếm tới 68%, cho thấy SV còn gặp nhiều hạn chế trong việc tổ chức và thực hiện hoạt động dạy học. SV đã nắm được quy trình soạn giáo án và tổ chức giờ học theo định hướng. Tuy nhiên, nhiều SV cho rằng họ còn hạn chế khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tích cực còn hạn chế. Điều này làm cho giờ học chưa thật sự sinh động và hiệu quả giáo dục chưa cao.

Đối với kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn cũng được đánh giá là còn yếu, với tổng tỷ lệ hai mức đồng thuận đạt 65,1%. SV ngành GDCT nhìn chung còn gặp khó khăn trong việc liên hệ nội dung bài học với các vấn đề thực tiễn đời sống xã hội và thực tiễn giáo dục học sinh.

Về kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm và xử lý tình huống giáo dục, SV còn thiếu sự tự tin và kinh nghiệm thực tiễn. Kỹ năng này có tỷ lệ rất đồng ý và đồng ý cao nhất (69,5%), phản ánh đây là một trong những hạn chế nổi bật của SV GDCT hiện nay. Điều này phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục và khả năng thích ứng nghề nghiệp của SV sau khi tốt nghiệp.

Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và phương tiện dạy học hiện đại của SV ngành GDCT tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, khi 64% ý kiến cho rằng còn hạn chế. Việc khai thác thiết bị, phần mềm hỗ trợ dạy học còn mang tính hình thức, chưa phát huy hiệu quả trong tổ chức hoạt động học tập và đánh giá học sinh. Tỷ lệ ý kiến trung lập và không đồng ý dao động từ 30,5% đến 36%, song không đáng kể. Những số liệu này cho thấy SV ngành GDCT vẫn còn hạn chế ở các KNNN cốt lõi, đòi hỏi cần có giải pháp bồi dưỡng phù hợp và đồng bộ trong thời gian tới.

2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.

Đối với SV ngành GDCT, KNNN có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả giảng dạy và giáo dục sau khi ra trường. Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo cho thấy quá trình bồi dưỡng kỹ năng này vẫn còn một số hạn chế. Việc nhận diện và phân tích nguyên nhân của những hạn chế đó là cơ sở quan trọng để đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên hiện nay. Để đánh giá khách quan các nguyên nhân, tác giả tiếp tục tiến hành khảo sát vào tháng 1 năm 2026 với đối tượng SV ngành GDCT, Trường Đại học Đồng Tháp bằng phiếu hỏi gồm 5 nội dung, sử dụng thang đo 4 mức độ (1: Rất đồng ý; 2: Đồng ý; 3: Trung lập; 4: Không đồng ý), kết quả thu được như sau:

Bảng 2: Nguyên nhân của những hạn chế trong bồi dưỡng KNNN của SV

Tiêu chí đánh giá	Tỉ lệ phản hồi %			
	1	2	3	4
1. Nguyên nhân xuất phát từ chương trình đào tạo	20,8	33,6	40,3	9,3
2. Nguyên nhân xuất phát từ phương pháp giảng dạy	29,7	36	16,3	18
3. Nguyên nhân từ công tác tổ chức thực tập sư phạm.	31	34,3	17,7	15
4. Nguyên nhân từ điều kiện cơ sở vật chất và phương tiện hỗ trợ dạy học.	33,2	30,1	20,8	15,9

5. Nguyên nhân từ nhận thức và ý thức tự rèn luyện của SV	50,7	30,3	10,6	8,4
---	------	------	------	-----

Dựa trên số liệu ở bảng 2 cho thấy, đa số SV lựa chọn mức 1 (rất đồng ý) và mức 2 (đồng ý) đối với các nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong bồi dưỡng KNNN. Cụ thể, nguyên nhân từ chương trình đào tạo có tỷ lệ đồng thuận 54,4%, trong khi mức trung lập và không đồng ý chiếm 49,6%, cho thấy nội dung đào tạo còn nặng về lý luận, khiến SV gặp khó khăn khi thiết kế bài giảng và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Đối với phương pháp giảng dạy, tỷ lệ đồng thuận đạt 65,7%, cao hơn 34,3% ý kiến còn lại, phản ánh một số học phần chưa phát huy tính tích cực của người học. Công tác thực tập sư phạm cũng được xem là nguyên nhân quan trọng với 65,3% đồng thuận và 32,7% ở mức 3 và 4, cho thấy SV còn ít cơ hội rèn luyện kỹ năng vận dụng và xử lý tình huống sư phạm. Bên cạnh đó, điều kiện cơ sở vật chất có 63,3% ý kiến đồng thuận, so với 36,7% trung lập và không đồng ý, cho thấy trang thiết bị phục vụ rèn luyện kỹ năng chưa thật sự đồng bộ. Đáng chú ý, nguyên nhân từ nhận thức và ý thức tự rèn luyện của SV có tỷ lệ cao nhất, với 81% lựa chọn mức 1 và 2, trong khi mức 3 và 4 chỉ chiếm 19%, khẳng định yếu tố chủ quan của SV là nguyên nhân nổi bật nhất ảnh hưởng đến hiệu quả bồi dưỡng KNNN hiện nay. Như vậy, kết quả khảo sát chỉ ra những hạn chế trong bồi dưỡng KNNN của SV ngành GDCT là hệ quả của nhiều nguyên nhân tác động. Trong đó nổi bật là chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, công tác tổ chức thực tập sư phạm, điều kiện cơ sở vật chất và nhận thức của SV. Từ những phân tích trên có thể thấy các hạn chế trong bồi dưỡng KNNN của SV ngành GDCT không xuất phát từ một nguyên nhân đơn lẻ mà là kết quả của nhiều yếu tố tác động đan xen. Do đó, việc khắc phục các hạn chế này cần được thực hiện một cách đồng bộ, gắn kết giữa đổi mới nội dung, phương thức đào tạo với việc nâng cao tính chủ động của SV, qua đó góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

2.3. Giải pháp bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị tại Trường Đại học Đồng Tháp.

2.3.1. Nâng cao ý thức tìm hiểu và tự rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.

Trên cơ sở những hạn chế đã được chỉ ra, việc đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bồi dưỡng KNNN cho SV ngành GDCT là cần thiết. Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tiễn cùng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, việc đề xuất các giải pháp bồi dưỡng KNNN phù hợp, có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Trong các giải pháp nâng cao KNNN cho SV, việc nâng cao ý thức tự học và tự rèn luyện giữ vai trò đặc biệt quan trọng. KNNN không thể hình thành đầy đủ chỉ qua học phần lý thuyết mà cần được bồi đắp thường xuyên bằng quá trình tự học và trải nghiệm thực tiễn. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đòi hỏi giáo viên phải có năng lực tổ chức hoạt động học tập và giáo dục toàn diện. Vì vậy, SV ngành GDCT không chỉ nắm vững lý luận mà còn phải thành thạo kỹ năng dạy học. Tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự thống nhất giữa học và hành: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ” [2, tr. 331], khẳng định tính cần thiết của việc bồi dưỡng KNNN hiện nay. Thực tiễn đào tạo cho thấy SV ngành GDCT tích cực tham gia câu lạc bộ học thuật, tập giảng và hỗ trợ giảng dạy tại trường phổ thông thường có điều kiện rèn luyện kỹ năng đứng lớp, giao tiếp sư phạm và xử lý tình huống giáo dục hiệu quả. Ngược lại, SV thụ động, ít tham gia hoạt động ngoài giờ chính khóa thường gặp khó khăn khi thực tập. Điều đó chỉ ra, trong điều kiện thời lượng đào tạo có hạn, nếu thiếu ý thức tự học và tự rèn luyện, KNNN khó hình thành vững chắc nên nâng cao tinh thần tự giác và trách nhiệm nghề nghiệp là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.

2.3.2. Đổi mới nội dung và phương pháp bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho sinh viên

Bên cạnh việc nâng cao ý thức tự rèn luyện của SV, đổi mới nội dung và phương pháp bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp là giải pháp căn bản trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Giáo viên không chỉ cần vững lý luận mà còn phải có năng lực tổ chức dạy học, giao tiếp sư phạm và xử lý tình huống linh hoạt; do đó, đào tạo SV ngành GDCT cần gắn chặt với thực tiễn. Thực tế cho thấy khi giảng viên tăng cường thảo luận nhóm, mô phỏng giờ dạy, xử lý tình huống và thiết kế kế hoạch bài dạy theo định hướng mới, KNNN của SV được cải thiện rõ rệt. Ngược lại, những học phần còn nặng về thuyết trình, thiếu hoạt động thực hành và phản hồi kịp thời thường làm hạn chế khả năng

chuyển hóa kiến thức lý luận thành nội dung giảng dạy phù hợp, ảnh hưởng đến chất lượng thực tập và khả năng thích ứng nghề nghiệp sau tốt nghiệp. Cùng với đó, việc khai thác các phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động học tập trực tuyến và sử dụng các nền tảng học tập số, SV có thêm cơ hội rèn luyện kỹ năng thiết kế bài học, tổ chức lớp học và đánh giá kết quả học tập của học sinh một cách hiệu quả. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn giúp SV ngành GDCT từng bước thích ứng với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, đổi mới nội dung và phương pháp bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp không chỉ là yêu cầu tất yếu của quá trình đào tạo giáo viên hiện nay mà còn có tác động trực tiếp đến chất lượng hình thành KNNN của SV ngành GDCT. Việc tổ chức dạy học theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, lấy trải nghiệm nghề nghiệp của người học làm trung tâm sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2.3.3. Tăng cường cập nhật thực tiễn thực hành kỹ năng nghề nghiệp ở các cơ sở giáo dục

Giải pháp này nhận được sự đồng thuận tương đối cao từ người học, cho thấy SV ngành GDCT nhận thức rõ vai trò quan trọng của nghiệp vụ sư phạm đối với việc hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp. Thực tế đào tạo cho thấy, nghiệp vụ sư phạm giữ vai trò là cầu nối trực tiếp giữa tri thức lý luận và hoạt động dạy học thực tiễn, giúp SV từng bước chuyển hóa kiến thức chuyên môn thành nội dung giảng dạy phù hợp với đối tượng học sinh. Khi các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được tăng cường thông qua tập giảng, mô phỏng giờ dạy và thực tập sư phạm tại các cơ sở giáo dục phổ thông, SV có điều kiện củng cố sự tự tin nghề nghiệp, nâng cao khả năng làm chủ lớp học và phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm. Quá trình này không chỉ giúp SV nâng cao năng lực vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn giảng dạy mà còn góp phần hình thành phong cách sư phạm, thái độ nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của người giáo viên trong tương lai. Nhờ những hoạt động này, SV có điều kiện vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn dạy học, đồng thời rèn luyện kỹ năng tổ chức lớp học, xử lý tình huống sư phạm và giao tiếp với học sinh. Góp phần hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp một cách toàn diện cho SV ngành GDCT. Từ đó có thể khẳng định rằng, tăng cường đào tạo nghiệp vụ sư phạm là giải pháp mang tính trực tiếp, thiết thực và cấp thiết trong quá trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho SV ngành GDCT.

2.3.4. Đẩy mạnh sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo và các trường phổ thông

Đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho SV ngành GDCT. Những trải nghiệm này giúp SV có điều kiện vận dụng kiến thức lý luận đã học vào thực tiễn giảng dạy, đồng thời rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm và từng bước hình thành nhận thức đầy đủ về yêu cầu, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên sau khi ra trường.

Nếu sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo và trường phổ thông còn lỏng lẻo, hoạt động thực hành nghề nghiệp của SV sẽ mang tính hình thức, thiếu chiều sâu dẫn đến tình trạng “học lý luận một đằng, thực tiễn một nẻo”, làm hạn chế khả năng vận dụng kiến thức vào dạy học. Khi thời lượng các học phần nghiệp vụ sư phạm chưa được bố trí hợp lý, SV càng ít cơ hội tiếp cận thực tiễn, gây khó khăn trong việc hình thành và hoàn thiện KNNN trước khi tốt nghiệp. Thực tế cho thấy những SV được tập giảng nhiều lần, được hướng dẫn và góp ý cụ thể thường tự tin, linh hoạt và chủ động hơn khi đứng lớp. Điều đó khẳng định vai trò quan trọng của sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và trường phổ thông trong rèn luyện và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho SV, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Bốn giải pháp đề xuất có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình nâng cao chất lượng đào tạo SV ngành GDCT. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ giúp SV từng bước chuyển hóa kiến thức lý luận thành năng lực thực hành, phát triển kỹ năng dạy học, giao tiếp sư phạm và xử lý tình huống giáo dục hiệu quả. Qua đó, SV nâng cao sự tự tin, khả năng thích ứng với môi trường giáo dục phổ thông và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên GDCT trong giai đoạn mới.

3. Kết luận

Qua phân tích thực trạng, làm rõ những hạn chế, nguyên nhân và đề xuất hệ thống giải pháp, bài viết đã

cho thấy bồi dưỡng KNNN cho SV ngành GDCT là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Trên cơ sở đó, các giải pháp được đề xuất không chỉ xuất phát từ yêu cầu lý luận mà còn được luận chứng bằng kết quả khảo sát thực tiễn, thể hiện tính khả thi và phù hợp với đặc thù đào tạo SV ngành GDCT. Việc phát huy vai trò tự rèn luyện của SV được xác định là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, đồng thời cần được triển khai đồng bộ với đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, tăng cường rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và mở rộng sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo với các trường phổ thông. Sự kết hợp chặt chẽ giữa các giải pháp này sẽ góp phần khắc phục những hạn chế đã được chỉ ra, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên GDCT trong các cơ sở giáo dục đại học. Việc xây dựng môi trường học tập tích cực, tạo điều kiện cho SV được trải nghiệm thực tiễn và tham gia các hoạt động nghề nghiệp cũng có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển KNNN. Điều này góp phần đào tạo đội ngũ giáo viên GDCT có phẩm chất, năng lực và đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Giáo dục công dân*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [2] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 6, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Minh Phượng, Phạm Thị Thúy (2014). *Cẩm nang phương pháp sư phạm: Những phương pháp và kỹ năng sư phạm hiện đại, hiệu quả từ các chuyên gia Đức và Việt Nam*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan (2024). *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Văn Lê (2005). *Lý luận dạy học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

NHỮNG VẤN ĐỀ RÚT RA QUA ĐỢT TẬP HUẤN ĐIỀU LỆNH...

Tiếp theo trang 224

3. Kết luận

Đợt tập huấn Điều lệnh, quân sự, võ thuật cho cán bộ điều lệnh bán chuyên trách Công an cấp xã trên địa bàn Thủ đô năm 2025 không chỉ là một khóa học nghiệp vụ thuần túy mà là một bước đi chiến lược trong lộ trình xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại. Thành công của đợt tập huấn đã minh chứng cho tầm nhìn đúng đắn của Đảng ủy, Ban Giám đốc Công an Thành phố Hà Nội trong việc cụ thể hóa Nghị quyết số 12 của Bộ Chính trị vào thực tiễn địa bàn cơ sở. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ điều lệnh bán chuyên trách thành những “hạt nhân nòng cốt” chính là giải pháp bền vững nhất để duy trì kỷ cương và sức mạnh chiến đấu lâu dài tại từng đơn vị xã, phường. Phát huy những kết quả đã đạt được, mỗi cán bộ, chiến sĩ sau khi trở về đơn vị cần tiếp tục lan tỏa tinh thần “khổ luyện thành tài”, không ngừng tự rèn luyện và gương mẫu đi đầu trong mọi mặt công tác. Có như vậy, lực lượng Công an cấp xã mới thực sự trở thành lá chắn vững chắc, bảo vệ tuyệt đối an ninh trật tự, góp phần giữ vững sự bình yên và phát triển bền vững của trái tim Thủ đô Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/03/2022 về “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”*.
- [2] Bộ Công an (2025). *Tài liệu tổng kết công tác bố trí Công an cấp xã trong tình hình mới*, Hà Nội.
- [3] Bộ Công an (2021). *Thông tư số 09/2021/TT-BCA, ngày 20/01/2021 quy định về kiểm tra điều lệnh, quân sự, võ thuật trong Công an nhân dân*.
- [4] Bộ Công an (2021). *Thông tư số 02/2021/TT-BCA, ngày 11/01/2021 quy định về xử lý vi phạm điều lệnh Công an nhân dân*.
- [5] Công an Thành phố Hà Nội (2025). *Báo cáo tổng kết tập huấn Điều lệnh, quân sự, võ thuật cho Công an cơ sở*.
- [6] Công an Thành phố Hà Nội (2025). *Báo cáo tổng kết tập huấn Điều lệnh, quân sự, võ thuật cho cán bộ điều lệnh bán chuyên trách Công an cấp xã trên địa bàn Thủ đô năm 2025*.
- [7] Cục Công tác chính trị (2025). *Báo cáo kết quả công tác điều lệnh, quân sự, võ thuật trong Công an nhân dân*.
- [8] Quốc hội (2018). *Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.